

Bản án số: 352/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phước

2. Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Ngọc Liên Hương- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Dương Thúy H, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường Đ, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn :* Ông Nguyễn Kim Khuê, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường Đ, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 03/6/2020, lời khai nguyên đơn bà Bùi Dương Thúy H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Kim K tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/11/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184, Quyền số 01/2009.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông K thường hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ con và không quan

tâm đến gia đình. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn ông Khuê.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Kim B, sinh ngày 27/11/2020 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 31/3/2012; bà H yêu cầu nuôi dưỡng cả hai, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Dương Thúy H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Kim K.

Bị đơn ông Nguyễn Kim K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Phúc đáp Công văn số 516/TAQTB ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Công an Phường M, quận Tân Bình đã cung cấp thông tin: “Ông Nguyễn Kim K và bà Bùi Dương Thúy H hiện đang tạm trú tại Đường Đ, Phường M, quận B”. Bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông K có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 184, Quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường S, quận B chứng nhận ngày 26/11/2009, quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Dương Thúy H và ông Nguyễn Kim K là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông K phát sinh mâu thuẫn mà theo bà H trình bày là do ông K thiếu trách

nhệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, thường hay nhậu nhẹt đánh đập vợ con, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Bà H xác định không còn tình cảm với ông Dũng, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến cũng như quan điểm về tình trạng hôn nhân. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông K đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Kim B, sinh ngày 27/11/2010 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 31/3/2012. Bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cho bà H quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tránh ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con chưa thành niên.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56; 58; 59; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Dương Thúy H về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Dương Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Kim K.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Kim B, sinh ngày 27/11/2010 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 31/12/2012.

+ Buộc ông Nguyễn Kim K giao cả 02 trẻ Nguyễn Kim B và Nguyễn Kim L cho bà Bùi Dương Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông K do bà H không yêu cầu.

+ Bà H có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông K đến thăm con chung.

+ Vì lợi ích của con chưa thành niên việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Dương Thúy H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0016498 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý